

Bản án số: 1188/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01/12/2021

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Trịnh Minh Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân* : Bà Lê Thị Nhanh;

Bà Trần Thị Bích Vân.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:*** Bà Đào Thị Xuân Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3702/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số ...../2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Thanh S, sinh năm: 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 515 đường QL1A, phường APĐ, Quận X, thành phố H, Việt Nam.

- *Bị đơn:* Bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L), sinh năm: 1992. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú do nguyên đơn cung cấp: Số 831 – 2, Lộ Trung Chính, Khóm 014, phường Phú Quốc, khu Tân Trang, thành phố Tân Bắc, Đài Loan.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, ông Bùi Thanh S trình bày:*

Ông Bùi Thanh S và bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L) tự nguyện kết hôn năm 2013, đăng ký kết hôn số 1901 quyền số 10 ngày 17/7/2013 tại Ủy ban nhân dân Thành phố H, Việt Nam.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L) đi làm về trễ nhưng không có lý do dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi vã nhau, đến năm 2015 bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L) đi làm việc và cư trú tại nước Đài Loan cho đến nay, ông Bùi Thanh S chỉ liên lạc với bà Pang Ngoc L

(Phòng Ngọc L) qua tin nhắn điện thoại, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không đem lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Bùi Thanh S yêu cầu được ly hôn với bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L).

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Bùi Gia V, sinh ngày 27/9/2010, hiện trẻ Bùi Gia V đang được bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Bùi Thanh S đồng ý giao trẻ Bùi Gia V cho bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Bùi Thanh S không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Bùi Thanh S trình bày không có.

*Đối với bị đơn bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L):*

Do bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L) hiện đang cư trú tại nước Đài Loan nên Tòa án nhân dân Thành phố H, Việt Nam đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài để niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L) biết như Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm; Tuy nhiên, bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L) không có ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh S và không yêu cầu giải quyết việc gì đối với ông Bùi Thanh S.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Nguyên đơn ông Bùi Thanh S có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L) vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

*Về tố tụng:* Tòa án nhân dân Thành phố H thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

*Về nội dung:*

- Quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Thanh S và bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L) hiện nay không còn chung sống với nhau, mỗi người sinh sống mỗi nơi, cho thấy quan hệ vợ chồng giữa ông Bùi Thanh S và bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L) không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Bùi Thanh S đối với bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L).

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Gia V, sinh ngày 27/9/2010, hiện trẻ Bùi Gia V đang được bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L) chăm sóc nuôi dưỡng tại nước Đài Loan, ông Bùi Thanh S đồng ý giao con chung cho bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Bùi Thanh S không cấp dưỡng

nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông Bùi Thanh S không trái pháp luật nên đề nghị ghi nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Bùi Thanh S trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận xét nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh S đối với bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu đề nghị của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

#### ***Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:***

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh S yêu cầu ly hôn đối với bị đơn bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L), đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn theo yêu cầu của một bên” theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp “Ly hôn” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L) đang cư trú tại nước Đài Loan nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân Thành phố H, Việt Nam theo quy định tại Điều 35, 37, 38, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### ***Xét sự vắng mặt của nguyên đơn ông Bùi Thanh S, bị đơn bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L) tại phiên tòa sơ thẩm:***

Đối với nguyên đơn ông Bùi Thanh S có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L): Tòa án nhân dân Thành phố H, Việt Nam đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài hợp lệ để thực hiện niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L) biết Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tuy nhiên, bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L) không có ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh S và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do.

Căn cứ Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt nguyên đơn ông Bùi Thanh S và bị đơn bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L).

#### ***Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh S đối với bị đơn bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L), xét thấy:***

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Bùi Thanh S đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; đối với bị đơn bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L) đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do nên được xem bị đơn bà Pang Ngoc L (Phòng Ngọc L) từ bỏ nghĩa vụ chứng minh theo qui định tại Điều 91 Bộ luật

Tổ tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ông Bùi Thanh S cung cấp để xét xử vụ án.

*Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 1901 quyển số 10 ngày 17/7/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố H, Việt Nam cấp cho ông Bùi Thanh S và bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L), có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi Thanh S và bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L) là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông Bùi Thanh S yêu cầu ly hôn bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L) với lý do sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L) đi làm về trễ nhưng không có lý do dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi vã nhau, đến năm 2015 bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L) đi làm việc và cư trú tại nước Đài Loan cho đến nay, ông Bùi Thanh S chỉ liên lạc với bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L) qua tin nhắn điện thoại, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2015 cho đến nay. Đối với bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L) đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L) không đến Tòa án, không có ý kiến và không cung cấp chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh S và bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L) cũng không có văn bản yêu cầu giải quyết việc gì đối với ông Bùi Thanh S. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa ông Bùi Thanh S và bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L) không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi, không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh S ly hôn bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L) theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Về con chung:* Có 01 con chung tên Bùi Gia V, sinh ngày 27/9/2010, hiện đang sinh sống cùng bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L) tại nước Đài Loan, ông Bùi Thanh S đồng ý giao con chung trẻ Bùi Gia V cho bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông Bùi Thanh S không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

*Về cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên:* Do bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L) vắng mặt, không có yêu cầu và ông Bùi Thanh S trình bày không cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên đối với ông Bùi Thanh S cho đến khi có yêu cầu của bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L).

*Về tài sản chung, nợ chung:* Ông Bùi Thanh S trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

*Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Ông Bùi Thanh S phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa sơ thẩm: Như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điều 91, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh S đối với bị đơn bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L).

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Ông Bùi Thanh S ly hôn bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L).

Giấy chứng nhận kết hôn số 1901 quyển số 10 ngày 17/7/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, Việt Nam cấp cho ông Bùi Thanh S và bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

**2. Về con chung:** Có một con chung tên Bùi Gia V, sinh ngày 27/9/2010, hiện đang sinh sống cùng bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L) tại nước Đài Loan.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Bùi Thanh S, giao con chung chưa thành niên tên Bùi Gia V cho bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Hoàn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên đối với ông Bùi Thanh S cho đến khi có yêu cầu của bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L). Việc giao nhận con chung trẻ Bùi Gia V do hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Không xem xét, giải quyết.

**4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Ông Bùi Thanh S phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Bùi Thanh S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0093539 ngày 25/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H, Việt Nam.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**5. Về quyền kháng cáo bản án:**

Ông Bùi Thanh S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày ông Bùi Thanh S được tổng đạt hợp lệ Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật..

Bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L) cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bà Pang Ngoc L (Phòng Ngoc L) được tổng đạt hợp lệ Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND TP.H (Sở tư pháp);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phan Trịnh Minh Đức**